|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 317/HD-CĐVC | *Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2017* |

**HƯỚNG DẪN**

**Xây dựng dự toán tài chính Công đoàn năm 2018**

Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012; Điều lệ Công đoàn Việt Nam; Quyết định số 1780/QĐ-TLĐ ngày 26/10/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán ngân sách công đoàn năm 2018; thực hiện Hướng dẫn số 1784/HD-TLĐ ngày 06/11/2017 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về Xây dựng dự toán tài chính Công đoàn năm 2018. Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức Việt Nam hướng dẫn các cấp công đoàn trực thuộc xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2018 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN TÀI CHÍNH NĂM 2017**

Các cấp công đoàn trực thuộc căn cứ kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách công đoàn 10 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 để tập trung đánh giá một số nội dung chủ yếu sau:

**1. Công tác thu và phân cấp thu tài chính công đoàn.**

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác thu kinh phí và đoàn phí công đoàn theo quy định hiện hành.

- Đánh giá về cơ chế phân cấp thu tác động đến kết quả thu kinh phí, đoàn phí công đoàn. Đánh giá công tác thống kê, theo dõi số liệu lao động, đoàn viên.

**2. Chi và quản lý tài chính, tài sản công đoàn.**

- Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi tài chính công đoàn, việc giao dự toán và cấp kinh phí năm 2017 cho cấp dưới (đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở).

- Đánh giá những khó khăn, thuận lợi trong triển khai thực hiện các quy định về thu, chi, quản lý tài chính.

- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 09c/NQ-BCH ngày 18/10/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về *“Điều chỉnh giảm tỷ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phi cho đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất”.*

**3. Kiến nghị, đề xuất**

Trên cơ sở kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2017, những khó khăn, thuận lợi trong công tác thu, phân phối nguồn thu, chi và quản lý tài chính, tài sản công đoàn tại cấp mình để kiến nghị đề xuất với công đoàn cấp trên.

**II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2018**

**1. Nguyên tắc chung**

- Chấp hành nghiêm các quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về công tác tài chính công đoàn.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 07b/NQ-TLĐ ngày 21/1/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về công tác tài chính công đoàn trong tình hình mới; Nghị quyết 09c/NQ-BCH ngày 19/10/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về điều chỉnh giảm tỷ trọng chi hành chính và hoạt động phong trào ở các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư các thiết chế của Công đoàn phục vụ đoàn viên, công nhân, lao động các Khu công nghiệp, Khu chế xuất.

- Kinh phí công đoàn 2% được tính trên tổng mức tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Quỹ tiền lương đóng kinh phí công đoàn 2% năm 2018 tại các đơn vị được tính trên tiền lương bình quân đóng BHXH 6 tháng đầu năm 2017 tại đơn vị nhân với số lao động thuộc đối tượng đóng BHXH theo quy định của pháp luật về BHXH.

- Đoàn phí công đoàn thu trên số đoàn viên công đoàn theo lương và phụ cấp lương. Mức thu đoàn phí bình quân một đoàn viên năm 2018 không thấp hơn số thu bình quân 1 đoàn viên theo quyết toán tài chính năm 2016.

- Dự toán tài chính công đoàn năm 2018 các cấp công đoàn xây dựng cần có tính khả thi cao, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời, chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

**2. Một số nội dung chủ yếu trong công tác xây dựng dự toán**

**2.1. Thu kinh phí công đoàn**:

- Thống kê số lao động thuộc đối tượng đóng kinh phí công đoàn theo quy định của khu vực hành chính sự nghiệp, khu vực sản xuất kinh doanh. Số lao động được thống kê tại đơn vị bao gồm: Số lao động đang đóng BHXH tại thời điểm 30/6/2017 (theo số liệu của cơ quan BHXH cung cấp thực hiện theo Quy chế phối hợp số 3601/QCPH-TLĐ-BHXH ngày 20/9/2016). Số lao động tại đơn vị thuộc đối tượng phải nộp kinh phí công đoàn nhưng chưa tham gia BHXH, số lao động dự kiến tăng (giảm) tại đơn vị trong năm kế hoạch 2018. Số lao động xây dựng dự toán tài chính công đoàn 2018 cần khớp với số thống kê lao động báo cáo với Ban Tổ chức Công đoàn Viên chức Việt Nam tại cùng thời điểm, nếu có chênh lệch phải có báo cáo giải trình, thuyết minh.

- Quỹ tiền lương làm căn cứ thu kinh phí công đoàn năm 2018 tại các đơn vị được xác định là tiền lương đóng BHXH cho người lao động bình quân 6 tháng đầu năm 2017 có xác định yếu tố tăng trưởng (theo số liệu của cơ quan BHXH cung cấp) nhân với số lao động thuộc đối tượng đóng kinh phí công đoàn được xác định tại mục chỉ tiêu lao động trên.

- Số lao động, quỹ lương và dự toán thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh năm 2018 của các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có công đoàn cơ sở doanh nghiệp là dữ liệu để nhập vào Phần mềm thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh theo Hướng dẫn số 1305/HD-TLĐ ngày 15/8/ 2017, Kế hoạch số 48/KH-TLĐ ngày 30/10/2017 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Kế hoạch số 263/KH-CĐVC ngày 28/9/2017 của Công đoàn Viên chức Việt Nam về thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Thời điểm hoàn thành nhập dữ liệu trước ngày 01/01/2018.

**2.2. Thu đoàn phí công đoàn**: Các cấp công đoàn căn cứ Chương IV, Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để xác định đối tượng, mức đóng, tiền lương làm căn cứ đóng đoàn phí. Số thu đoàn phí công đoàn năm 2018 được xác định trên cơ sở số đoàn viên thực tế tại công đoàn cơ sở nhân với tiền lương và phụ cấp lương của đoàn viên. Mức thu đoàn phí bình quân 1 đoàn viên năm 2018 bảo đảm không thấp hơn mức thu bình quân 1 đoàn viên công đoàn theo quyết toán năm 2016.

**2.3. Các khoản thu khác:** Trên cơ sở số thực hiện trên báo cáo quyết toán năm 2016, số ước thực hiện năm 2017 các đơn vị dự kiến số thu khác trong dự toán năm 2018 theo hướng tích cực tăng nguồn thu.

**2.4. Chi tài chính công đoàn:**

- Dự toán chi trong phạm vi nguồn thu được phân phối sử dụng trong năm theo quy định phân phối; đảm bảo theo đúng chế độ, thực hiện chi tiêu tiết kiệm chống lãng phí theo định mức của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Đảm bảo chi lương và phụ cấp cho cán bộ công đoàn và cần tập trung chi cho hoạt động phong trào và đào tạo bồi dưỡng cán bộ…; đồng thời cần xác định nghĩa vụ nộp kinh phí về công đoàn cấp trên theo đúng quy định phân phối nguồn thu tài chính công đoàn.

- Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 09c/NQ-BCH của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về “*Điều chỉnh giảm tỉ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất*”. Năm 2018, xác định trong dự toán tài chính theo số quyết toán 2016 mục chi hành chính và hoạt động phong trào, khi tính có loại trừ các khoản thu khác, các khoản chuyên môn, cấp trên hỗ trợ. Số tiền tiết giảm được chuyển tập trung về Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trong năm thực hiện theo dự toán, cuối năm thực hiện bù trừ theo số quyết toán thực tế.

- Chi của công đoàn cơ sở: Thực hiện theo Quyết định số 1910/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thu, chi, quản lý tài chính công đoàn cơ sở.

- Chi của công đoàn cấp trên cơ sở: Thực hiện theo Quyết định số 862/TLĐ ngày 07/7/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành mục lục thu, chi tài chính cơ quan công đoàn; Quyết định số 1911/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu trong các cơ quan Công đoàn; Hướng dẫn số 849/HD-TLĐ ngày 08/6/2017 hướng dẫn sửa đổi Quyết định 1911/QĐ-TLĐ.

- Các đơn vị sử dụng hợp lý nguồn tài chính tích lũy để cân đối chi trong năm dự toán 2018 và bảo đảm các quy định về quản lý, sử dụng tài chính tích lũy tại Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 và Quyết định số 1912/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**3.Về phân phối:** Thực hiện theo Nghị quyết số 07b/NQ-TLĐ ngày 21/6/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/ 2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; quyết định số 214/QĐ-CĐVC ngày 23/9/2013 của Công đoàn Viên chức Việt Nam về việc ban hành Quy định phân cấp thu và phân phối nguồn thu tài chính công đoàn; Công văn số 53/CĐVC ngày 8/3/2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức Việt Nam.

Năm 2018, Kinh phí công đoàn 2% phân phối cho công đoàn cơ sở là **68%,** công đoàn các cấp trên cơ sở 32 % tổng số thu kinh phí công đoàn.

**III. HỒ SƠ BÁO CÁO DỰ TOÁN**

Hồ sơ báo cáo dự toán được lập thành **02 bộ** gửi về Công đoàn Viên chức Việt Nam gồm:

- Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách công đoàn (mẫu số: B14-TLĐ) – dùng cho công đoàn cơ sở.

- Báo cáo tổng hợp dự toán thu – chi tài chính công đoàn (mẫu số B15-TLĐ) – dùng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

- Bảng tổng hợp lao động, quỹ tiền lương làm căn cứ thu kinh phí công đoàn của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc **(bao gồm cả đơn vị cấp 3).** Số lao động, tổng quỹ lương đối chiếu với Bảo hiểm xã hội đến ngày 30/6/2017.

- Bảng tổng hợp các đơn vị thuộc đối tượng đóng kinh phí công đoàn qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Danh sách lao động, quỹ lương các đơn vị mà công đoàn trực thuộc Liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố.

- Danh sách cán bộ chuyên trách công đoàn

- Thuyết minh chi tiết dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2018.

**IV. THỜI GIAN NỘP BÁO CÁO**

Các đơn vị nộp báo cáo về Công đoàn Viên chức Việt Nam:

**- Báo cáo quyết toán năm 2017 : trước ngày 15 tháng 3 năm 2018.**

**- Báo cáo dự toán năm 2018 : trước ngày 20 tháng 12 năm 2017.**

 Trên đây là hướng dẫn lập dự toán ngân sách công đoàn năm 2018. Đề nghị các cấp công đoàn tập trung triển khai thực hiện tốt về nội dung và thời gian. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc liên hệ về Ban Tài chính Công đoàn Viên chức Việt Nam để nghiên cứu, trình Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức Việt Nam xem xét, giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thường trực BTV;- Các công đoàn trực thuộc;- Lưu: VT, TC. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ****PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC** |
|  | **Nguyễn Giang Tuệ Minh** |

**CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM Mẫu số B14-TLĐ**

**Công đoàn: ………………………. MSĐV:**

**BÁO CÁO**

**DỰ TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN**

**NĂM 201….**

**A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:**

- Số lao động tính quỹ lương đóng KPCĐ: người Quỹ lương đóng KPCĐ:

- Số đoàn viên: người Quỹ lương đóng ĐPCĐ:

- Số cán bộ CĐ chuyên trách

**B- CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN:**

 Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mã số** | **Ước thực hiện****năm trước** | **Dự toán năm nay** | **Ghi chú** |
| **I. PHẦN THU** |  |  |  |  |
| 1 | Đoàn phí công đoàn | 23 |  |  |  |
| 2 | Kinh phí công đoàn | 22 |  |  |  |
| 3 | Thu khác | 24 |  |  |  |
|  | - Chuyên môn hỗ trợ | *24.01* |  |  |  |
|  | - Thu khác tại đơn vị | *24.02* |  |  |  |
|  | **Cộng thu**  |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí cấp trên cấp | 25 |  |  |  |
| 5 | Tích lũy tài chính kỳ trước chuyển sang | 26 |  |  |  |
|  | **Tổng cộng thu** |  |  |  |  |
| **II. PHẦN CHI** |  |  |  |  |
| 1 | Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương | 27 |  |  |  |
| 2 | Quản lý hành chính | 29 |  |  |  |
| 3 | Chi hoạt động | 31 |  |  |  |
|  | Trong đó: - Đào tạo cán bộ | *31.01* |  |  |  |
|  |  - Trợ cấp | *31.02* |  |  |  |
|  |  - Hỗ trợ du lịch | *31.03* |  |  |  |
|  | **Cộng chi** |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí nộp cấp trên quản lý trực tiếp | 37 |  |  |  |
|  | **Tổng cộng chi** |  |  |  |  |
| **III. DỰ PHÒNG** | 48 |  |  |  |

**C- THUYẾT MINH**

 *Ngày tháng năm*

 **PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN TM. BAN CHẤP HÀNH**

**CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM Mẫu số B07-TLĐ**

**Công đoàn: ………………………. MSĐV:**

**BÁO CÁO**

**QUYẾT TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN**

**NĂM 201…**

**A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:**

- Số lao động tính quỹ lương đóng KPCĐ: ………. người Quỹ lương đóng KPCĐ:………………

- Số đoàn viên:………..người Quỹ lương đóng ĐPCĐ: …………….

- Số cán bộ CĐ chuyên trách:….

**B- CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN:**

 Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mã số** | **Dự toán năm** | **Quyết toán kỳ này** | **Lũy kế từ đầu năm** |
| **I. PHẦN THU** |  |  |  |  |
| 1 | Đoàn phí công đoàn | 23 |  |  |  |
| 2 | Kinh phí công đoàn | 22 |  |  |  |
| 3 | Thu khác | 24 |  |  |  |
|  | - Chuyên môn hỗ trợ | 24.01 |  |  |  |
|  | - Thu khác tại đơn vị | 24.02 |  |  |  |
|  | **Cộng thu**  |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí cấp trên cấp | 25 |  |  |  |
| 5 | Tích lũy tài chính đầu kỳ | 26 |  |  |  |
| 6 | Nhận bàn giao tích lũy tài chính | 46 |  |  |  |
| **Tổng cộng thu** |  |  |  |  |
| **II. PHẦN CHI** |  |  |  |  |
| 1 | Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương | 27 |  |  |  |
| 2 | Quản lý hành chính | 29 |  |  |  |
| 3 | Chi hoạt động | 31 |  |  |  |
|  | Trong đó: - Đào tạo cán bộ | *31.01* |  |  |  |
|  |  - Trợ cấp | *31.02* |  |  |  |
|  |  - Hỗ trợ du lịch | *31.03* |  |  |  |
|  | **Cộng chi** |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí đã nộp cấp trên quản lý trực tiếp | 37 |  |  |  |
| 5 | Bàn giao tích lũy tài chính | 47 |  |  |  |
| **Tổng cộng chi** |  |  |  |  |
| III. TÍCH LŨY TÀI CHÍNH CUỐI KỲ | 48 |  |  |  |
| IV. KINH PHÍ PHẢI NỘP CẤP TRÊN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP | 49 |  |  |  |

**C- THUYẾT MINH**

 *Ngày tháng năm*

 **PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN TM. BAN CHẤP HÀNH**

**NHẬN XÉT CỦA CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN**

**PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN TM. BAN CHẤP HÀNH**

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM Phụ lục 1

CÔNG ĐOÀN ..................................

DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

 ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

**Kèm theo dự toán năm 2018**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Lao động** | **Đoàn viên** | **Tổng quỹ lương** | **Quỹ lương đóng BHXH** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |  |

***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 3**

CÔNG ĐOÀN ..................................

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ, BAN, NGÀNH MÀ CÔNG ĐOÀN

TRỰC THUỘC CÁC LĐLĐ TỈNH, THÀNH PHỐ

***Kèm theo dự toán năm 2017***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Số lao động** | **Quỹ lương đóng BHXH** | **Thuộc LĐLĐ tỉnh, TP** | **Ghi chú** |
| **I.** | **Đơn vị SXKD** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |
| **II.** | **Đơn vị HCSN** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |

 ***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 2**

CÔNG ĐOÀN ..................................

**DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH**

 ***Kèm theo dự toán năm 2018***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Số lao động** | **Số đoàn viên** | **Tổng quỹ tiền lương** | **Quỹ tiền lương đóng BHXH** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |  |

 ***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 5**

CÔNG ĐOÀN ..................................

**DANH SÁCH CÁN BỘ, TIỀN LƯƠNG BAN TÀI CHÍNH**

***Kèm theo dự toán năm 2017***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Hệ số lương** | **Hệ số PC** | **Tiền lương** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |

 ***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 4**

 CÔNG ĐOÀN ..................................

**DANH SÁCH CÁN BỘ, TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CÔNG ĐOÀN**

***Kèm theo dự toán năm 2017***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Hệ số lương** | **Hệ số PC** | **Tiền lương** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |

 ***Hà Nội, ngày tháng năm***

|  |  |
| --- | --- |
| **Công đoàn Viên chức Việt Nam** |  **Mẫu B08- TLĐ**  |
| **Công đoàn:………………………..** |  **(Dùng cho công đoàn cấp trên cơ sở)** |
|  |  |  |  |
| **BÁO CÁO**  |
| **TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU- CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN** |
| ***Năm 20…*** |
|  |  |  |  |
| **A - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:** |  |  |
|  |  |  |  |
| **TT** | **Chỉ tiêu**  | **Mã số** | **Tổng số** |
| A | B | C | 1 |
| **I** | **CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ** | 1 |   |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 01.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 01.02 |   |
| 3. | Nghiệp đoàn | 01.03 |  |
| **II** | **ĐƠN VỊ CHƯA THÀNH LẬP CĐCS** | 2 |  |
| **III** | **LAO ĐỘNG** | 5 |   |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 05.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 05.02 |   |
| 3. | Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 05.03 |   |
| **IV** | **TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN** | 11 |   |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 11.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 11.02 |   |
| 3. | Nghiệp đoàn | 11.03 |  |
| **V** | **CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CHUYÊN TRÁCH** | 17 |   |
| 1. | LĐLĐ cấp tỉnh, TP và tương đương | 18 |   |
|   | a- Cán bộ trong biên chế | 18.01 |   |
|   | b- Lao động khác | 18.02 |   |
| 2. | CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở | 19 |   |
|   | a- Cán bộ trong biên chế | 19.01 |   |
|   | b- Lao động khác | 19.02 |   |
| 3. | Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn | 20 |   |
| 4. | Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ nguồn TCCĐ | 21 |   |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Mã số | Ước thực hiện năm | Tổng hợp quyết toán trong kỳ | Chia ra |
|   |   |   | trước |   | CĐCS | CĐ cấp trên TT CS | Đơn vị sự nghiệp | LĐLĐ |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **I. PHẦN THU** |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Thu đoàn phí công đoàn | 23 |   |  |  |  |   |   |
|   | a- Khu vực HCSN | 23.01 |   |   |   |   |   |   |
|   |  b- Khu vực sản xuất kinh doanh | 23.02 |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Thu kinh phí Công đoàn | 22 |   |  |  |  |   |   |
|   | a- Khu vực HCSN | 22.01 |   |   |   |   |   |   |
|   |  b- Khu vực sản xuất kinh doanh | 22.02 |   |   |   |   |   |   |
|   |  c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 22.03 |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ | 45 |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Các khoản thu khác | 24 |   |   |   |   |   |   |
|  |  a- Chuyên môn hỗ trợ | 24.01 |  |   |  |  |   |   |
|  | b- Thu khác tại đơn vị | 24.02 |  |   |  |  |   |   |
|  |  Trong đó: - Thu hoạt động kinh tế | 24.021 |  |   |  |  |   |   |
|  | **Cộng thu**  |   |   |  |  |  |   |   |
| 5 | Kinh phí cấp trên cấp | 25 |   |   |   |   |   |   |
|  | a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 25.01 |  |   |   |   |   |   |
|  | b- Đơn vị không trực tiếp BC quyết toán | 25.02 |  |   |   |   |   |   |
| 6 | Kinh phí cấp dưới nộp lên | 44 |   |   |   |   |   |   |
| 7 | Nhận bàn giao tài chính | 46 |   |   |   |   |   |   |
| 8 | Ước số dư đầu kỳ | 26 |   |   |   |   |   |   |
|   | **Tổng cộng (I)** |   |   |  |  |  |   |   |
| **II -PHẦN CHI** |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương | 27 |   |   |   |   |   |   |
|   |  a- Lương, phụ cấp... của cán bộ trong biên chế | 27.01 |   |   |   |   |   |   |
|   |  b- Lương, phụ cấp... của LĐ khác | 27.02 |   |   |   |   |   |   |
|   |  c- Phụ cấp cán bộ công đoàn | 27.03 |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Quản lý hành chính: | 29 |   |   |   |   |   |   |
|   |  Trong đó : - Khoán chi | 29.01 |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Hoạt động phong trào: | 31 |   |   |   |   |   |   |
|   | Trong đó: - Đào tạo cán bộ | 31.01 |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Khen thưởng | 31.04 |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Trợ cấp | 31.02 |   |   |   |   |   |   |
|   |  - Hỗ trợ du lịch | 31.03 |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Đầu tư XD, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ | 34 |   |   |   |   |   |   |
|   | a. XDCB | 34.01 |   |   |   |   |   |   |
|   | b. Mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ | 34.02 |   |   |   |   |   |   |
| 5 | Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS | 40 |   |   |   |   |   |   |
|  | **Cộng chi**  |   |   |  |  |  |   |   |
| 6 | Kinh phí đã nộp cấp trên | 37 |   |   |   |   |   |   |
|  | a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 37.01 |  |   |  |   |   |   |
|  | b- Đơn vị không trực tiếp BC quyết toán | 37.02 |  |   |   |   |   |   |
| 7 | Kinh phí cấp cho cấp dưới | 43 |   |   |   |   |   |   |
| 8 | Bàn giao tài chính | 47 |   |   |   |   |   |   |
| 9 | Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập CĐCS | 41 |   |   |   |   |   |   |
|  | **TỔNG CỘNG (II)** |   |   |  |  |  |   |   |
| KINH PHÍ DỰ PHÒNG | 48 |   |  |  |  |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **NGƯỜI LẬP BIỂU** | **TRƯỞNG BAN TÀI CHINH** |  | **TM. BAN THƯỜNG VỤ** |  |  |
|  | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |  |  (Ký, họ tên, đóng dấu) |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  **CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH TM. BAN THƯỜNG VỤ** |  |
|  *(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Công đoàn Viên chức Việt Nam** |  **Mẫu B15- TLĐ**  |
| **Công đoàn:………………………..** |  **(Dùng cho công đoàn cấp trên cơ sở)** |
| **BÁO CÁO**  |
| **TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU- CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN** |
| ***Năm 20…*** |
|  |  |  |  |
| **A - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:** |  |  |
|  |  |  |  |
| **TT** | **Chỉ tiêu**  | **Mã số** | **Tổng số** |
| A | B | C | 1 |
| **I** | **CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ** | 1 |   |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 01.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 01.02 |   |
| 3. | Nghiệp đoàn | 01.03 |  |
| **II** | **ĐƠN VỊ CHƯA THÀNH LẬP CĐCS** | 2 |  |
| **III** | **LAO ĐỘNG** | 5 | 0 |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 05.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 05.02 |   |
| 3. | Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 05.03 |   |
| **IV** | **TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN** | 11 | 0 |
| 1. | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 11.01 |   |
| 2. | Khu vực sản xuất kinh doanh | 11.02 |   |
| 3. | Nghiệp đoàn | 11.03 |  |
| **V** | **CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CHUYÊN TRÁCH** | 17 | 0 |
| 1. | LĐLĐ cấp tỉnh, TP và tương đương | 18 | 0 |
|   | a- Cán bộ trong biên chế | 18.01 |   |
|   | b- Lao động khác | 18.02 |   |
| 2. | CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở | 19 | 0 |
|   | a- Cán bộ trong biên chế | 19.01 |   |
|   | b- Lao động khác | 19.02 |   |
| 3. | Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn | 20 |   |
| 4. | Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ nguồn TCCĐ | 21 |   |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Mã số | Ước thực hiện năm | Tổng hợp dự toán trong kỳ | Chia ra |
|   |   |   | trước |   | CĐCS | CĐ cấp trên TT CS | Đơn vị sự nghiệp | LĐLĐ |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **I. PHẦN THU** |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Thu đoàn phí công đoàn | 23 |   | **0** | **0** | **0** |   |   |
|   | a- Khu vực HCSN | 23.01 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  b- Khu vực sản xuất kinh doanh | 23.02 |   | 0 |   |   |   |   |
| 2 | Thu kinh phí Công đoàn | 22 |   | **0** | **0** | **0** |   |   |
|   | a- Khu vực HCSN | 22.01 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  b- Khu vực sản xuất kinh doanh | 22.02 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 22.03 |   | 0 |   |   |   |   |
| 3 | Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ | 45 |   | 0 |   |   |   |   |
| 4 | Các khoản thu khác | 24 |   | 0 | 0 | 0 |   |   |
|  |  a- Chuyên môn hỗ trợ | 24.01 |  | 0 |  |  |   |   |
|  | b- Thu khác tại đơn vị | 24.02 |  | 0 |  |  |   |   |
|  |  Trong đó: - Thu hoạt động kinh tế | 24.021 |  | 0 |  |  |   |   |
|  | **Cộng thu**  |   |   | **0** | **0** | **0** |   |   |
| 5 | Kinh phí cấp trên cấp | 25 |   |  -  |   |   |   |   |
|  | a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 25.01 |  |  -  |   |   |   |   |
|  | b- Đơn vị không trực tiếp BC quyết toán | 25.02 |  |  -  |   |   |   |   |
| 6 | Kinh phí cấp dưới nộp lên | 44 |   |  -  |   |   |   |   |
| 7 | Nhận bàn giao tài chính | 46 |   |  -  |   |   |   |   |
| 8 | Ước số dư đầu kỳ | 26 |   |  -  |   |   |   |   |
|   | **Tổng cộng (I)** |   |   |  **-**  |  **-**  |  **-**  |   |   |
| **II -PHẦN CHI** |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương | 27 |   | 0 | 0 | 0 |   |   |
|   |  a- Lương, phụ cấp... của cán bộ trong biên chế | 27.01 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  b- Lương, phụ cấp... của LĐ khác | 27.02 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  c- Phụ cấp cán bộ công đoàn | 27.03 |   | 0 |   |   |   |   |
| 2 | Quản lý hành chính: | 29 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  Trong đó : - Khoán chi | 29.01 |   | 0 |   |   |   |   |
| 3 | Hoạt động phong trào: | 31 |   | 0 |   |   |   |   |
|   | Trong đó: - Đào tạo cán bộ | 31.01 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  - Khen thưởng | 31.04 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  - Trợ cấp | 31.02 |   | 0 |   |   |   |   |
|   |  - Hỗ trợ du lịch | 31.03 |   | 0 |   |   |   |   |
| 4 | Đầu tư XD, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ | 34 |   | 0 | 0 | 0 |   |   |
|   | a. XDCB | 34.01 |   | 0 |   |   |   |   |
|   | b. Mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ | 34.02 |   | 0 |   |   |   |   |
| 5 | Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS | 40 |   | 0 |   |   |   |   |
|  | **Cộng chi**  |   |   | **0** | **0** | **0** |   |   |
| 6 | Kinh phí đã nộp cấp trên | 37 |   |  -  |  -  |  -  |   |   |
|  | a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 37.01 |  |  -  |  |   |   |   |
|  | b- Đơn vị không trực tiếp BC quyết toán | 37.02 |  |  -  |   |   |   |   |
| 7 | Kinh phí cấp cho cấp dưới | 43 |   |  -  |   |   |   |   |
| 8 | Bàn giao tài chính | 47 |   |  -  |   |   |   |   |
| 9 | Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập CĐCS | 41 |   | 0 |   |   |   |   |
|  | **TỔNG CỘNG (II)** |   |   |  **-**  |  **-**  |  **-**  |   |   |
| KINH PHÍ DỰ PHÒNG | 48 |   |  **-**  |  |  |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **NGƯỜI LẬP BIỂU** | **TRƯỞNG BAN TÀI CHINH** |  | **TM. BAN THƯỜNG VỤ** |  |  |
|  | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |  |  (Ký, họ tên, đóng dấu) |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  **CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH TM. BAN THƯỜNG VỤ** |  |
|  *(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)* |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đơn vị:** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐÓNG KINH PHÍ CÔNG ĐOÀNQUA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM***(Thực hiện theo Hướng dẫn số 1305/HD-TLĐ ngày 15/8/2017 của Tổng Liên đoàn)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Thông tin doanh nghiệp** |
| **Tên DN** | **Mã số thuế** | **Số Lao động** | **Địa chỉ** | **Điện thoại** | **Email** | **KPCĐphải đóng trong năm 2018** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | *….., Ngày….tháng….năm….***TM. BAN THƯỜNG VỤ***(ký, đóng dấu)* |
| ***Ghi chú:*** Các đối tượng **không** phải kê khai vào biểu này:- Các doanh nghiệp Nhà nước (Nhà nước nắm giữ 100% vốn);- Các doanh nghiệp có tổ chức công đoàn là công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn đoàn bộ phận. |